TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 5

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số thập phân 397,596, chữ số 6 thuộc hàng nào?

A. hàng chục **B.** hàng phần mười

C. hàng phần nghìn **D.** hàng phần trăm

Câu 2. Làm tròn số 39,868 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 40 **B.** 39 **C.** 42 **D.** 39,9

Câu 3. Hỗn số 5 3/4 viết thành phân số là:

A. 23/4 **B.** 23/20 **C.** 8/4 **D.** 19/4

Câu 4. 90,663 : 100 = ……

A. 906,63 **B.** 9066,3 **C.** 90 663 **D.** 0,90663

Câu 5. 7 kg 393 g = ……. kg

A. 7,0393 **B.** 7,393 **C.** 8,393 **D.** 70,393

Câu 6. Hình tròn có bán kính 10 cm. Diện tích hình tròn là:

A. 31,4 cm² **B.** 314 cm² **C.** 1256 cm² **D.** 62,8 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số thập phân: 7,101; 7,79; 7,3; 7,821; 7,47.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 61 đơn vị, 9 phần mười, 5 phần trăm, 1 phần nghìn viết là: ……

b) Phân số 1/8 viết dưới dạng số thập phân: ……

c) Hỗn số 5 20/100 viết dưới dạng số thập phân: ……

Bài 3. Tìm x:

a) x + 29,61 = 31,71; x = ……

b) x × 0,4 = 6,64; x = ……

c) 41,9 − x = 24,89; x = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 m 8 cm = …… m

b) 7 kg 53 g = …… kg

c) 3 km² = …… ha

d) 9200 m² = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 12 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 12 cm: …… cm²

c) Chu vi hình tròn đường kính 48 dm: …… dm

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 35,3 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 7,2 kg, ngày thứ ba bán được 12,14 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Cả ba ngày bán được: …… kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 5

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	A	D	B	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Xếp từ bé đến lớn: 7,101 < 7,3 < 7,47 < 7,79 < 7,821

a) 7,101

b) 7,821

c) 7,47

d) 7,821 + 7,101 = 14,922

Bài 2.

a) 61,951

b) 1/8 = 125/1000 = 0,125

c) 5,2

Bài 3.

a) x = 31,71 − 29,61 = 2,1

b) x = 6,64 : 0,4 = 16,6

c) x = 41,9 − 24,89 = 17,01

Bài 4.

a) 6,08

b) 7,053

c) 300

d) 0,92

Bài 5.

a) 12 × 2 × 3,14 = 75,36

b) 12 × 12 × 3,14 = 452,16

c) 48 × 3,14 = 150,72

Bài 6.

Ngày thứ hai: 35,3 − 7,2 = 28,1 (kg)

Cả ba ngày: 35,3 + 28,1 + 12,14 = 75,54 (kg)

Trung bình: 75,54 : 3 = 25,18 (kg)